

GẶP GỠ LỪNG ĐÈO



1

Thời gian trôi, chớp mắt đã quá nửa thế kỷ. Không thể níu kéo nó, không thể bắt nó dừng. Nó đi rồi là hết, may chăng còn sót lại cái bóng.

Tôi có giữ lại một cái bóng có thể bổ sung cho tiểu sử một con người đáng nhớ. Người ấy có thể là người quen của bạn, người ấy có thể không xa lạ với bạn, biết đâu đấy.

Chuyện là thế này.

Cuộc kháng chiến đã vào năm thứ tư. Con đường hàng tỉnh từ Tuyên Quang đi Thái Nguyên vốn hẹp không có ô-tô qua lại còn trở nên hẹp hơn nữa. Những bụi cây lúp xúp tràn ra mặt đường. Cỏ gà, cỏ màn trâu mọc thành bụi ở những ô gà. Ở đôi chỗ hoa lau loà xoà quét vào mặt khách bộ hành.

*Ba lô trên vai, tôi cầm cúi đi.
Một mình. Năng chói chang.*

Đường vắng ngắt, không bóng người. Tỉnh thoảng lắm mới thấy một chiếc xe đạp lọc cọc vượt qua.

Đang đi bỗng dừng tôi thấy người ngậy ngậy sốt. Cảm giác ấy tăng dần. Sốt rét rồi! Cái thứ bệnh tai quái không đến khi mình còn ở cơ quan tỉnh tại hoặc ở một trạm chờ nào đó, khôn nạn thế, lại nhằm lúc mình đang trên đường, thật không còn gì tệ hơn.

Tôi sốt ùng ùng và run cầm cập. Thứ ánh sáng tàn nhẫn của nắng quái thiêu đốt tất tạt mọi thứ nó đụng tới. Những bụi rậm ven đường rũ xuống, lá nào lá ấy quắt queo. Đến lúc không còn chịu đựng được nữa, tôi lao bừa vào rừng qua những bụi rậm gai góc và dây leo chằng chịt. Chỉ ở trong ấy, dưới những tán lá rậm của cây cao mới có chỗ cho tôi trú khỏi cái nắng chết người.

Sức trong người cạn dần cùng với mỗi bước đi, cùng với mỗi hơi thở nóng hổi, như thể nước trong thùng từng đợt ộc ra ngoài. Đi được vài chục bước, tôi kiệt lực, gieo mình xuống thăm lá mục, cố lê đến một gốc cây thấp, tựa vào nó mà thở hồng hộc. Hơi thở làm bỏng môi trên. Những dòng mồ hôi lăn dài trên ngực. Áo quần chẳng mấy chốc đã ướt đẫm.

Dù sao thì cuộc chạy trốn khỏi con đường đá rậm vắng ngắt phơi mình dưới ánh nắng kinh khủng ngoài kia cũng ngừng được trong giây lát. Một con chim bay vút qua những bụi rậm trước mắt tôi với một tiếng hót lạnh lạnh làm tôi giật bản mình. Tôi chợt hiểu: cái mà tôi đang chịu đựng không phải sốt rét thường. Nó có thể là một con ác tính.

Tôi đã biết sốt rét ác tính cái gì. Nó thường đi kèm với cái chết. Tôi thì còn quá trẻ để chết. Không, tôi không thể chết bây giờ, càng không thể chết thế này. Tôi gượng đứng lên, lão đảo trở lại con đường chói lòa. Không thể dừng. Phải tiếp tục đi. Ngay lập tức. Bằng mọi giá, phải tới được trạm quân y. Tôi nhớ nó mà. Tôi đã có lần đến đấy.

2

Tiếng đàn làm tôi tỉnh giấc. Tôi nằm yên, lắng nghe những giọt âm thanh thánh thót tan vào không gian im ắng. Nó thoảng hiện, thoảng mất, nhưng không phải trong mơ. Giai điệu mơ hồ đưa tôi về quá khứ, nhắc tôi tới một cái gì mang máng nhớ mà không sao nhớ ra. Choàng tấm chăn làm từ vỏ cây sui lên vai, tôi đứng lên đi, những bước xiêu vẹo về phía có tiếng nhạc.

Qua tấm liếp khép hờ ngăn với gian ngoài tôi thấy một người đàn ông đang cúi xuống cây ghi ta Hạ Uy Di. Cảnh tượng làm tôi sửng sò – tôi không nghĩ tới, không tưởng tượng nổi giữa rừng Việt Bắc thời chiến lại có người nhàn tản chơi đàn như thế.

Tiếng đàn đột ngột tắt. Người đàn ông ngẩng lên. Rồi bật dậy, sai bước về phía tôi, chăm chú ngắm tôi, đoạ buông một câu hỏi bất ngờ:

– Hà Nội hở?

Rất ngạc nhiên, nhưng tôi gật:

– Hà Nội.

Anh ta nhìn tôi chăm chăm, đặt tay lên trán tôi, rồi cười lớn:

– Lạy Trời, cậu sống rồi!

3

Tôi không tới được trạm quân y. Hình ảnh cuối cùng mà tôi nhớ được là một mái tranh lơ mờ trước mặt. Tỉnh lại, tôi thấy mình trong gian bếp thấp tè, đen sì mờ hóng với bầu không khí đậm mùi khói lưu cữu.

Người đàn ông kéo tôi đến bên chõng, đặt tôi ngồi.

– Tốt rồi! – Anh nắm tay tôi, nhìn sâu vào mắt tôi, lặp lại lần nữa – Đã tưởng cậu không sống nổi.

Tôi nhìn anh. Dáng thanh mảnh, cao ráo, gương mặt thông minh, đôi mắt sáng, đen láy, cái nhìn thẳng thắn. Tất cả gợi cảm giác tin cậy, thoải mái. Cách xưng hô “cậu, tớ” ngay lập tức xoá nhoà ranh giới giữa tôi và người lạ.

– Lúc khiêng cậu vào, mặt cậu tím ngắt, lay gọi thế nào cũng không tỉnh.

Tôi đáp ứng lời cảm ơn.

– Vớ vẩn! – Anh lắc đầu, anh cười – Cảm ơn cái con khi. Cảm ơn trời ấy.

Thì ra đây là người cứu tôi. Tôi chỉ nhớ khi quán nước hiện ra lơ mờ trước mặt, thì trời đất bỗng nghiêng ngả rồi đổ sụp.

Anh đặt tay lên vai tôi:

– Cậu nằm đây vài ngày cho lại sức, mọi cái tính sau.

Nụ cười nói về con người nhiều hơn bất cứ ngôn ngữ nào. Qua nụ cười ta có thể biết mọi thật giả, tốt xấu nơi người đối thoại. Nụ cười của anh cho tôi niềm tin.

– Cậu người phố nào?

– Nhà Rượu, anh ạ.

– Ồ, Sergent Larrivet – Anh nói, mắt mơ màng – Tớ cũng hay qua đấy. Bên kia Nghĩa địa Tây có cái marbrerie Ngô Văn Vỹ. Tớ quen gia đình này.

Cái xưởng đá với vô số bia mộ đẽo dờ nằm ngổn ngang trong một bãi rộng tràn cả ra ngoài đường là hình ảnh quen thuộc với tôi. Tôi thường đi qua đây để ra phố Huế, nơi lũ trẻ chúng tôi đặt những nút bia lên đường tàu điện, chúng sẽ bị bánh tàu điện ép phẳng lì thành một thứ tiền trong trò đồ bác của trẻ con, gọi là xèng.

Từ chỗ chúng tôi đang ngồi, Hà Nội xa tít tắp, như ở một thế giới khác.

Anh đặt cây đàn, bắt tôi nằm, rồi ngồi xuống bên tôi:

– Giữa đường được gặp cậu, lại là người Hà Nội, tớ vui lắm.

Tôi nằm, ngược nhìn anh.

– Cậu có hay đi ciné (xi-nê) không?

Tôi gật.

Anh mơ màng:

– Mình hay đi Majestic. Cậu cũng hay xem ở đấy chứ?

Tôi lại gật.

Majestic nằm giữa phố Huế, là rạp chiếu bóng dành cho tây đầm, cho nhà giàu, vé rất đắt. Tôi mê xem phim, nhưng chỉ có thể xem ở rạp Moderne phố Hàng Quạt. Hạng bét ở rạp này giá một hào rưỡi, nhưng khi buổi chiếu đã bắt đầu, cửa đã khép, thì chỉ cần giúi vào tay ông gác cửa to béo có hàng ria mép rậm một hào hoặc không đủ một hào là con người dễ tính này liền gạt bức màn bằng vải thô nặng nề đẩy tôi vào không gian mơ ước.

Tôi thường được vào khi đã qua phần thời sự hoặc phim chính bắt đầu chiếu. Phim nói tiếng Pháp, nhưng đọc chương trình tóm tắt có thể hiểu chuyện phim. Chúng tôi, những

đưa trẻ mê xi-nê, đứa nào cũng tích được một tập chương trình. Chúng tôi thuộc tên các diễn viên, ngày ấy gọi là tài tử – Clark Gable, Cary Grant, Gary Cooper...

– Phim cuối cùng cậu xem là phim nào?

– Bạch Tuyết và bảy chú lùn, anh ạ.

Tôi không thể cậu tỏ với người hơn mình nhiều tuổi.

Bạch Tuyết và bảy chú lùn không được chiếu ở các rạp rẻ tiền. Tôi phải hy sinh vài buổi xem ở rạp Moderne để được ngồi ghế hạng bét ở Majestic.

– Thích chứ?

– Thích.

– Còn mình thì thích Pinocchio.

Mất anh mờ đi. Nỗi nhớ chung đất chúng tôi về nơi đã trở thành dĩ vãng.

– Tôi cũng thích Pinocchio. Nhưng thích nhất là những phim cao-bồi như La Chevauché fantastique (Chuyến đi ngựa thần kỳ).

– Tớ có xem phim này. Charles Starett sắm vai chính.

– Xem xong, sau buổi chiếu muộn – Tôi mơ màng nhớ lại – Anh nhớ không, khi ngoài tiếng guốc gỗ khua trên vỉa hè đêm là tiếng huýt sáo bản nhạc trong phim.

Anh huýt sáo giai điệu tôi vừa nhắc:

– Tuyệt. Người Hà Nội rất có khiếu âm nhạc. Không thể thì làm sao nhớ được một giai điệu vừa mới nghe.

4

Một cô gái xuất hiện ở cửa quán. Ánh sáng ngược tạo ra một vầng hào quang trên mái tóc cô, nó làm gương mặt cô chìm trong tối, trừ cặp mắt long lanh.

– Cô chủ quán đấy – Anh ngừng nói, mắt tươi rói.

Nhìn tôi, cô gái reo lên:

– Ôi trời, anh đã dậy được rồi kìa!

Cô đặt bàn tay mềm và mát rượi lên trán tôi, cười khanh khách:

– A lúi, lúc ấy trông anh kinh lắm. Mấy ngày rồi ấy nhỉ? Hôm nay là ngày thứ ba.

– Không có cô ấy thì một mình tớ không tài nào tha nổi cậu đâu – Anh nói – Cậu trông thế mà nặng kinh.

Anh cười tươi, mắt không rời cô gái.

– Như chết rồi ấy, cô gái nói, người chết nặng hơn người sống, các cụ bảo thế.

Nước da trắng hồng, nụ cười phô hàm răng trắng đều đặn – Một cô gái xinh. Thoạt nghe cô “a lúi”, tôi nghĩ cô người Tày, nhưng “may ơ là may” thì chỉ có người Kinh nói.

– Đang nằm xuôi anh bật dậy, răng nghiến chặt, bọt mép sùi ra, giã giụa như lên cơn động kinh – Cô miêu tả tình cảnh của tôi – Hai anh em đê không nổi.

Tôi nói xinh là không đủ, hoặc sai.

Tôi đang ở cái tuổi nhìn thấy cô gái nào cũng đẹp, không đẹp lắm thì cũng đẹp vừa. Trong bộ quần áo xanh chàm, trông cô không khác những cô gái Tày. Cô có giọng liến thoắng, rất trong, như hát.

Anh cười theo cô, lắc đầu:

– Khiếp, lại còn đái cả ra quần nữa chứ.

Tôi đỏ bừng mặt. Ai đã thay cho tôi? Người đàn ông nọ? Hay... cô gái?

Cái ba-lô của tôi nằm dưới chân chõng. Tôi kéo nó lại. Bộ quần áo cũ đã được giặt sạch nằm trên cùng. Cái tôi quan tâm hơn hết là bó tài liệu bọc trong vải mưa tấm nhựa thông. Nó còn nguyên vẹn.

Anh không để ý cử chỉ háp tấp của tôi. Nếu nhận thấy, anh sẽ giận vì nó chứng tỏ tôi không tin anh.

– Ca ác tính này tớ đã gặp. Khó qua lắm – Anh chậm rãi nói – Phải có Quinofom tiêm thẳng vào ven mới xong. Ở cái chôn hỏ lánh này thì làm gì có nó. May sao, tớ còn nhiều ký ninh. Mới hòa thật đặc cho cậu uống. Là còn nước còn tát, chứ chẳng hy vọng gì.

– Cả một vốc thuốc. Răng anh cắn chặt lắm, cô gái kể, hai người cạy mãi mới được. Anh vùng vẩy, phun phì phì.

– Tớ còn sợ làm cậu chết vì thuốc ấy, anh nghiêm nghị. Thôi thì cứ liều, đổ đại cho cậu. Coi như còn nước còn tát.

5

Tôi không quên từng chi tiết cuộc gặp gỡ bất ngờ. Nó hằn sâu trong trí nhớ bề bộn.

Nó đúng là như thế. Bắt đầu không phải cái gì khác, mà một câu hỏi:

– Hà Nội hờ?

Làm sao anh có thể thoáng qua đã nhận ra một nét Hà Nội trong tôi?

Tôi không đặt câu hỏi ấy ra với anh. Anh hỏi mà như khẳng định. Không khảo sát, không đánh giá.

Quán nước này giống hết mọi quán khác – một mái tranh nhỏ, tạm bợ, không chái, không vườn. Những quán nước như thế nằm rải rác trên con đường hàng tỉnh với quãng cách không thể nào biết trước, có thể vài cây số, có thể hơn. Chúng hiện ra bất ngờ ở những khúc ngoặt, những ngã rẽ bên con đường ngoằn ngoèo hết lên lại xuống giữa đồi và núi chập chùng.

– Em phải chạy đi đây, mẹ em bảo đã có các anh rồi.

Tôi rồi gặp mẹ cô vài lần trong mấy ngày sau – một người đàn bà hết sức đồng bằng, chút khấn mở quạ, thấp bé, nhanh nhẹn, ít nói, cười nhiều. Bà kể: khi làng bị Tây càn, bà dắt con chạy theo gia đình một ông lái gỗ, ông quen vùng này khi còn làm sơn tràng. Thời chiến, nghề buôn gỗ về xuôi không còn đất, ông dựng hai ngôi nhà tạm cho hai gia đình. Đất rộng, hai nhà phát hoang trồng khoai trồng sắn, nuôi gà, chạy chợ.

Trong gian ngoài quán có cái chõng tre đã ngả màu cánh gián, trên đó có ấm nước với sứ vôi, mấy bát sành, vài nải chuối, mấy tấm bánh lá, kẹo vừng, kẹo lạc, vài phong thuốc Lào – hàng hoá muôn thuở của mọi quán ven đường. Sang hơn cả, được đặt trong một lọ thủy tinh không trong suốt là những cái kẹo đen sì làm bằng đường thẻ, có tên là “kẹo đầu Tây”, trông giống những cái mũ sắt. Khi vắng chủ, khách vãng lai tự ăn tự uống, rồi tự bỏ tiền vào một cái hộp bánh quy đã rỉ sét, không có nắp. Hàng bày trên chõng đều có ghi giá trên một mẫu giấy, cái bằng bút chì, cái bằng mực tím, nguệch ngoạc.

Những quán trên mấy tỉnh lộ vùng núi đều thế – chủ không cần trông, khách không khi nào ăn uống mà không trả tiền.

– Có lần người ta trả bằng gạo, chắc là của mấy chú bộ đội – bà chủ quán kể – Tôi nghiệp, không còn tiền thì thôi, ai nõ đòi gạo bộ đội.

Ngoài hai mẹ con, trong quán còn có con chó bốn mắt, thứ chó mực lông mượt có hai đốm vàng trên mặt, rất nhiều ở vùng này. Cả ngày nó tha thân theo cô chủ, cô đi đâu nó theo đấy. Nhưng khi cô bảo nó ở lại quán thì nó nghe lời, ở lại với hai chúng tôi.

Con bốn mắt không có tên. Nó quấn tôi lắm. Mỗi khi tỉnh giấc thấy con bốn mắt nằm giải thãi dưới chân, mắt lim dim, cùng tôi nghe đàn, tôi có cảm giác đang ở nhà mình.

Khi tôi còn bé, nhà tôi có một con Ki-ki trắng vá đen. Lứa đầu nó đẻ bốn con rất đẹp, cũng trắng vá đen như mẹ. Suốt ngày tôi chơi với chúng. Khi một đứa con của nó chết, tôi đem con chó tí xíu chôn ở dưới gốc hoàng lan cuối phố, nơi có con đường tắt đầy cỏ may dẫn vào chùa Hai Bà. Những giọt nước mắt đầu tiên của tôi trước sự mất đi không thể nào lấy lại của sinh linh bé bỏng đã nhỏ xuống năm mồ cũng tí xíu.

Tôi trên đường công tác. Người đàn ông chẳng nói mình đi đâu, làm gì. Tôi cũng không hỏi.

Anh không giống những người tôi thường gặp. Áo sơ mi trắng, quần ka-ki, sạch sẽ. Như thế anh không thể là bộ đội, bao giờ cũng xộc xệch, cũng nhếch nhác, không nhiều thì ít. Cũng không phải cán bộ chính trị chửi chu trong bộ ka-ki với cái xà cọt bất ly thân, cán bộ cấp cao một chút còn cưỡi xe đạp Sterling. Anh cũng chẳng giống dân “bờ lờ”, cách gọi tắt dân buôn lậu, trong bộ cánh nâu tươm tất, kính đen Stigmal gọn gàng trên sống mũi. Tôi đoán anh là nhạc công trong một đoàn nào đó. Nhưng dân văn công thường đi đoàn với đủ mọi thứ linh kinh. Người này chắc hẳn có công việc gì đấy không quan trọng, không cấp thiết. Không thể thì sao anh có thể ở lại giữa đường để trông nom một kẻ không quen biết.

Khi tôi hỏi ở lại giúp tôi có làm dở dang công việc của anh không, thì anh thờ ơ:

– Chuyện vặt. Người nào gặp trường hợp này thì cũng làm như tớ thôi. Cậu có thể bỏ một người thập tử nhất sinh mà không cứu? Phải đợi cậu khỏe lại tớ mới đi được.

Mấy ngày tôi nằm lại, anh bắt tôi uống thuốc, chơi đàn cho tôi nghe, trò chuyện với tôi về thành phố từ đó chúng tôi ra đi.

Hà Nội đã tí tấp xa. Chẳng ai biết trước ngày trở lại. Có thể mừng tượng nó – những con phố với những cột điện, những hàng cây, lá rụng trên hè, nước lã lẽ chảy trong rãnh. Và “mái buồn nghe sáu rụng” trong thơ Quang Dũng.

Rõ ràng là con người này chẳng vội vàng, gặp chỗ dừng chân dễ chịu thì dừng, chẳng buồn kén chọn. Rất có thể cuộc gặp gỡ bất ngờ với người cùng quê hương cho anh cái cơ để dừng lại lâu hơn.

Tôi có chút ngờ vực: anh dừng lâu hơn vì cô chủ quán.

– Một bông hoa rừng. Nhưng là người từ dưới xuôi lên.

Khi nhìn cô, mắt anh vừa sáng lên vừa mơ màng. Cũng có thể tôi nhầm. Đôi lúc tôi có cảm giác vừa nói chuyện với tôi anh vừa nghĩ về một cái gì khác rất xa, chẳng dính dáng tới điều chúng tôi đang nói.

Ngày nào anh cũng bảo cô chủ quán mua gà, mua trứng về nấu cháo cho tôi ăn. Những bữa ăn như thế giúp tôi lại sức rất nhanh. Không những thế, chúng còn là những bữa ăn sang trọng hiếm có trong đời lính.

Một hôm, thấy tôi có vẻ băn khoăn, anh gọi tôi ra sau quán. Đứng trong bụi sắn, anh trật quần dài, kéo tay tôi đặt vào cặp quần đùi:

– Cậu nắn đi.

Tôi nắn thấy những vật tròn cứng.

– Vàng đấy. Toàn nhân cả. Dự trữ cho kháng chiến trường kỳ. Thỉnh thoảng tớ lấy ra một cái, bán đi ăn dần.

Anh xấp lại quần, cười hì hì:

– Đừng lo tớ không có tiền.

Tôi kể dài dòng văn tự chỉ cốt để người đọc những dòng ký niệm này hình dung được khung cảnh một thời đã mất. Thời ấy con người với con người là bạn, và còn hơn thế. Mà cũng để ghi lại một cái ơn. Không có cuộc gặp gỡ tình cờ ấy, biết đâu tôi chẳng còn.

Thời gian ngắn ngủi ở bên nhau đủ để chúng tôi thân nhau, yêu quý nhau nữa, có thể nói như thế. Những cuộc tâm sự đêm khuya trong tiếng sương rơi lộp độp trên mái tranh làm tôi hiểu và quý anh hơn.

Tôi trách mình đã không hoàn toàn tin anh. Thời chiến, tinh thần cảnh giác cách mạng làm cho cuộc chia tay giữa hai chúng tôi không được như lẽ ra nó phải có. Chúng tôi quyết định lên đường đi Thái Nguyên khi tôi đã có thể đi được. Tôi cố ý đi quá nơi tôi phải rẽ vào chùng một cây số mới chia tay với anh:

– Mình sẽ còn gặp lại – tôi nói.

– Chắc chắn – anh nói.

6

Tôi đã gặp Đoàn Chuẩn như thế. Chia tay với anh, tôi chỉ biết cái tên. Tôi gặp một con người, không phải một danh tiếng.

Những tác phẩm của Đoàn Chuẩn tôi không được nghe trong những năm kháng chiến. Tôi không nghĩ rằng đã có một lệnh cấm những bài hát lãng mạn. Chúng có vẻ không thích hợp trong thời chinh chiến thì người ta không hát, thế thôi. Hoặc giả có một lệnh cấm mà tôi không biết.

Cuộc gặp gỡ thứ hai với người cứu mạng mình xảy ra mấy năm sau.

Ngày 10/10 năm 1954, xong việc quay cảnh thượng kỳ ở Cột cờ, tôi đi lang thang. Ở phố Huế, trước cửa rạp chiếu bóng Majestic, tôi thấy một chiếc xe hơi bồng bênh đi chậm chậm theo mình. Một gương mặt lạ – mái tóc bóng mượt, miệng ngậm bót thuốc lá ló ra ở cửa để mở. Người ngồi sau tay lái chăm chú nhìn tôi rồi cho xe vượt lên ngang tầm:

– Hiên hả? Phải Hiên không?

Tôi nhận ra anh: Đoàn Chuẩn.

Anh cho xe dừng, bước ra, ôm chặt tôi, mừng rỡ. Không thể ngờ anh vẫn nhớ tên tôi.

– Về khi nào?

– Đêm qua. Mới đi bát phố một lát.

– Cậu ở đâu?

– Khách sạn Splendid.

Anh cười:

– Sang nhỉ?

Rồi kéo tôi vào An Thái Majestic.

Người Hà Nội xưa đều biết quán cà phê này. Nó ở bên trái rạp chiếu bóng nếu đứng từ ngoài đường nhìn vào. Sau này, khi rạp Majestic đổi tên thành rạp Tháng Tám thì nó biến thành một cái gì khác, một quán tạp hoá thì phải.

Quán đầy người. Khói thuốc lá mù mịt.

Đoàn Chuẩn lấy ra một cái hộp đựng thuốc lá lạ mắt bằng nhựa trong, màu vàng. Hộp này có rất nhiều ngăn, trong mỗi ngăn là một thứ thuốc lá: Phillips Morris, State Express, Craven A, Camel, Melia Jaune, Bastos... Các ngăn nối với nhau bằng dây thun. Chọn thứ thuốc loại nào thì bẻ gập nó ra mà lấy. Tôi ngắm hộp thuốc lá của anh không rời – lần đầu tiên tôi thấy một hộp thuốc lá như thế.

– Cậu chọn loại nào?

Tôi chọn Craven A.

Anh bật lửa cho tôi. Cái bật lửa cũng lạ mắt như hộp thuốc lá. Nó nhỏ, xinh xắn, mạ vàng. Trong vùng kháng chiến chúng tôi chỉ có thứ bật lửa có khắc hình xe tăng, được gọi là “bật lửa tàu bò” thường có bán ở các chợ giáp ranh.

Anh nheo mắt ngắm tôi:

– Sao cậu không mặc uniforme (đồng phục)?

– Tôi không thích nó – tôi cười – Mặc vào cứ như người gỗ.

Tôi trở về Hà Nội từ Nam Định. Trong thành phố người Pháp vừa bỏ lại, mọi sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường. Đoàn quay phim chúng tôi được lệnh phải may mỗi người một bộ đại cán để vào tiếp quản Hà Nội.

Đúng vào lúc lên đường, mọi người mới ngó ra – cả đoàn đều vận bộ đại cán kiểu Tàu, tôi thì mặc đồ dân sự: áo popeline Thụy Sĩ, quần simili, giày tây.

Tôi phân trần:

– Mọi hiệu may đều hết vải ka-ki.

Lý do này nghe hợp lý. Tôi không bị “kiềm điểm” về thói tự do chủ nghĩa là cái tôi thường bị phê phán, và người ta phê phán đúng – tôi không vừa cho bất cứ cái khung nào.

Tiền tiêu chuẩn phát cho cán bộ may đại cán không đủ cho bộ quần áo tôi chọn. Ông chủ tiệm hào phóng không lấy thêm:

– Máy khi ta được gặp nhau thế này.

Hoà bình ở Việt Nam chỉ có một nghĩa: hết chiến tranh.

Đoàn Chuẩn ngắm tôi:

– Với bộ diện này ai bảo cậu là cán bộ.

Tôi móc túi lấy cái phù hiệu tiếp quản thủ đô cho anh xem. Đoàn Chuẩn ngấm nó lâu với về tò mò.

– Tôi không đeo nó – tôi phân trần – Với bộ dạng này tôi mới lần được vào mọi người. Mới nghe được những nhận xét thật thà: “Quân phục gì mà xấu thế! Xăng Liên Xô thôi kinh!”

Đoàn Chuẩn cười vui, giống hệt trong lần đầu gặp nhau.

– Xuống xe điện tôi vẫn nhảy bổ được, chưa quên đâu – tôi khoe.

– Vẫn còn Hà Nội – anh khen.

Tôi không đụng tới chuyện anh bỏ kháng chiến.

Có cả đồng lý do cho chuyện này, mỗi người về thành mỗi kiểu. Nghe người ta kể thì nhạc sĩ Phạm Duy rất bức khi anh đã có tên trong danh sách đi dự festival thanh niên và sinh viên thế giới ở Berlin, nhưng vào phút chót anh bị gạt ra. Vì thế, và chắc vì nhiều điều khác nữa, anh bỏ kháng chiến. Sau này, tôi gặp Phạm Duy nhiều lần tôi cũng không hỏi anh chuyện ấy. Nó không bao giờ là một thắc mắc trong tôi. Người đi kháng chiến, người về thành, chẳng liên quan tới ai.

Đoàn Chuẩn không bức bối gì với kháng chiến. Người ta không quan tâm anh, anh không quan tâm họ. Anh đi kháng chiến như đi vào một cuộc viễn du thú vị, có vẻ chỉ là thế. Rồi anh trở về khi anh thấy đi đã đủ. Chẳng có chính chị chính em gì ráo trong chuyện anh đi và về.

Chúng tôi hàn huyên cả giờ rồi mới chia tay.

Tối hôm đó tôi bị kiểm điểm: “Vừa mới vào đã liên lạc với bọn tư sản”. Tôi không biết mấy cậu bảo vệ đã tình cờ gặp tôi hay đi theo tôi đã báo cáo. Dường như những cuộc tiếp xúc giữa chúng tôi với người ăn vận sang trọng đều bị coi là thiếu cảnh giác với cái gọi là “viên đạn bọc đường”.

Họ bảo vệ tôi vì được dạy dỗ như thế. Chứ không có ý xấu.

7

Sau cuộc gặp gỡ bất ngờ với Đoàn Chuẩn tôi được đi Liên Xô học, rồi làm báo, rồi đi tù 9 năm. Giữa những khoảng cách ấy tôi còn gặp Đoàn Chuẩn vài lần. Ngoài anh ra tôi

không gặp một người nào chơi ghi ta Hạ Uy Di. Thứ đàn ấy ít người chơi, người ta thành kiến với tiếng ngân nga của nó, chắc vậy.

Ra tù, tôi bần lãn lộn kiếm sống, rồi liều mạng vào Sài Gòn, nơi không có bàn tay quen thuộc nào chìa ra cho mình. Đất phương Nam rộng rãi, người miền Nam phóng khoáng, che chở tôi, cho tôi mái ấm trong tha hương.

Thình thoảng lắm tôi mới ra Hà Nội thăm cha mẹ và các em. Hoá ra bác Đoàn Vạn Vân, cha anh, là bạn với cha tôi. Bác là một trong số ít nhà mà cách mạng gọi là tư sản dân tộc, chủ một hãng nước mắm nổi tiếng. Cha tôi nói bác có giám giúi cho cách mạng tiền, nhưng tôi không thấy những người viết hồi ký nhắc tới bác. Có lẽ tại bác cho không đủ nhiều. Hoặc vì chẳng bao giờ bác ra mặt ủng hộ cách mạng.

Đoàn Chuẩn vẫn vui khi gặp tôi, chắc hẳn như gặp một kỷ niệm không quên. Có một lần anh nhắc tới cô gái ở quán lưng đèo, mắt mơ màng. Trong đời anh chắc có nhiều bóng hồng lướt qua, cô chỉ là một trong những. Mặt thêm nhiều nếp nhăn, anh không đi xe hơi nữa, hút thuốc lá Điện Biên bao bạc.

Chúng tôi hay kéo nhau tới quán cà phê ở gần Cột Đồng Hồ, nơi văn nghệ sĩ Hà Nội thường lui tới. Ông chủ quán có biệt danh Lâm Toét trọng các nghệ sĩ, nhất là các họa sĩ, mắt hấp hím nhận ra Đoàn Chuẩn, đái chúng tôi Gold Flake, thứ thuốc lá ngoại không biết của nước nào, vào Việt Nam bằng đường nào.

Thời gian ở Sài Gòn, cũng tới mười năm có lẽ, tôi mới được nghe nhạc Đoàn Chuẩn. Tôi nghe và sung sướng – tôi đã gặp một nhạc sĩ tài ba mà không biết.

Văn Cao đánh giá Đoàn Chuẩn:

– Nhạc hay. Ca từ lạ, là tâm sự mà đi thẳng vào hồn người.

Nhớ lại cuộc gặp gỡ ở lưng đèo Re, tôi đồ rằng những ngày ấy anh cho tôi nghe những bản nhạc anh vừa sáng tác:

*Đây khách ly hương máy thu vàng ấm...
Nơi quán cô đơn mơ qua tròng sóng...
Mơ tới bên em em tô quàng mắt...
Em tôi ngập ngừng trong tấm áo nhung...
Tung phấn hương yêu qua muôn lời hát...
Bay tới bên em tới em thăm nhắc...
Đây ý tơ xưa đâu duyên tình cũ...
Bóng anh phai dần ái ân tàn theo...*

Và:

*Chiều nào áo tím nhiều quá
Lòng thấy rộn ràng nhớ người
Đường về Việt Bắc xa cách mây
Nhìn về đường lối muôn khó khăn
Đây núi cao. Đây suối sâu
Đây lá xanh như ngàn xưa
Đường về ngập gió tha phương
Tiếc đời gấm hoa ta đành quên núi rừng...*

Đoàn Chuẩn là một tiên ông lạc bước xuống trần. Anh không thuộc về thế giới này. Tôi không thể nghĩ khác thế.

Năm 2001 khi tôi đang lang thang ở miền Nam nước Ý thì nhận được tin nhắn của một người bạn: Đoàn Chuẩn không còn nữa.
Ông tiên của tôi đã về trời!

VŨ THU HIÊN
2019



Nguồn: Internet eMail by batkhuat nguyen chuyển

*Đăng ngày Thứ Hai, February 26, 2024
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*